

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

**KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN
GỬI TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

**TÓM TẮT LUẬN VĂN
THẠC SỸ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐINH BẢO NGỌC

Phản biện 1: PGS.TS Hoàng Tùng

Phản biện 2: TS. Phan Văn Tâm

Luận văn sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 10 năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh có rất nhiều rủi ro, dễ xảy ra gian lận và sai sót. Để ngăn ngừa những tổn thất và các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, ngoài các biện pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước, trước hết bản thân NHTM phải có những biện pháp hữu hiệu. Mà biện pháp quan trọng nhất là phải thiết lập được hệ thống kiểm soát nội bộ một cách đầy đủ và có hiệu quả.

Thực tế, hoạt động kiểm soát nội bộ ở các NHTM mới được đề cập và áp dụng những năm gần đây nên phần lớn còn thiếu kinh nghiệm cả về lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để xây dựng một hệ thống KSNB hoàn thiện ở các NHTM Việt Nam nói chung và ở Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam nói riêng là việc rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Hiện tại, đã có một số đề tài nghiên cứu hoạt động kiểm soát nội bộ trong ngân hàng nói chung, hoặc ở lĩnh vực kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng, chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào mảng huy động tiền gửi. Đó là lý do tác giả thực hiện đề tài “*Kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam*”

2. Mục đích nghiên cứu

Tổng hợp các quan điểm, khái niệm về hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động tiền gửi.

Tìm hiểu và làm rõ những quy trình, quy định chung về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tiền gửi do Ngân hàng nhà nước ban hành cũng như những quy trình, quy định riêng của NHCT Việt Nam.

Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động tiền gửi Ngân hàng Công thương Việt Nam. Đề xuất các định hướng,

giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động tiền gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi là gì? Kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi bao hàm những nội dung gì? Các nhân tố ảnh hưởng công tác kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi?

Thực trạng kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã như thế nào? Có những kết quả gì? Những hạn chế gì?

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cần tiến hành các giải pháp gì để tiếp tục hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: những vấn đề về lý luận và thực tiễn của công tác kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: đề tài tập trung nghiên cứu kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên cơ sở khảo sát thực trạng với dữ liệu giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu phỏng vấn trực tiếp, thống kê mô tả, so sánh và phương pháp phân tích dữ liệu.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Kết quả nghiên cứu giúp đánh giá thực trạng công tác kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi hiện nay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã đạt được những kết quả gì, còn tồn tại những hạn chế nào. Trên cơ sở đó để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động

kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

7. Bố cục của Đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài nghiên cứu được trình bày bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi tại ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động huy động tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN GỬI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG TIỀN GỬI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động huy động tiền gửi

Tiền gửi là tiền mà các doanh nghiệp và cá nhân gửi vào ngân hàng thương mại nhằm mục đích phục vụ các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, tiết kiệm và một số mục đích khác. Là giá trị tiền tệ mà NHTM nhận được từ khách hàng là cá nhân hoặc tổ chức kinh tế.

1.1.2. Các hình thức huy động tiền gửi trong Ngân hàng thương mại

a. Phân loại căn cứ theo thời gian

- Huy động ngắn hạn
- Huy động trung hạn
- Huy động dài hạn

b. Phân loại theo đối tượng huy động

- Huy động vốn từ dân cư
- Huy động vốn từ doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế
- Huy động vốn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác

c. Phân loại theo nghiệp vụ huy động

- Huy động vốn qua nghiệp vụ nhận tiền gửi
 - Huy động tiền gửi không kỳ hạn
 - Huy động tiền gửi có kỳ hạn
- Huy động tiền gửi tiết kiệm
 - Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn
 - Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn
 - Tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dài
- Huy động vốn qua nghiệp vụ đi vay

- Vay từ các Tổ chức tín dụng
- Vay từ Ngân hàng Trung ương
- Huy động vốn qua phát hành các công cụ nợ
- Huy động vốn qua các hình thức khác

1.1.3. Rủi ro trong hoạt động huy động tiền gửi

Rủi ro trong hoạt động huy động tiền gửi bao gồm các loại sau đây:

- Rủi ro lãi suất
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro sở hữu
- Rủi ro hoạt động

1.2. TỔNG QUAN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Khái niệm về kiểm soát nội bộ

KSNB theo định nghĩa của COSO (Committee of Sponsoring Organizations of Treadway Commission) là một quy trình chịu ảnh hưởng bởi hội đồng quản trị, các nhà quản lý và các nhân viên khác của một tổ chức, được thiết kế để cung cấp mọi sự bảo đảm hợp lý trong việc thực hiện các mục tiêu mà HĐQT mong muốn là:

- Hiệu lực và hiệu quả của các hoạt động.
- Tính chất đáng tin cậy của báo cáo tài chính.
- Sự tuân thủ các luật lệ và quy định hiện hành

1.2.2. Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng thương mại

Hoạt động của hệ thống KSNB phải đảm bảo các nguyên tắc sau

Thứ nhất, các rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp quản lý rủi ro thích hợp;

Thứ hai, hoạt động của hệ thống KSNB là một phần không tách rời các hoạt động hằng ngày của tổ chức tín dụng;

Thứ ba, phân cấp ủy quyền phải được thiết lập, thực hiện hợp lý, cụ thể, rõ ràng, tránh xung đột lợi ích, bảo đảm một cán bộ không đảm nhiệm cùng lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chồng chéo với nhau;

Thứ tư, đảm bảo chấp hành chế hạch toán, kế toán theo quy định và phải có hệ thống thông tin nội bộ về tài chính, về hoạt động, về tình hình tuân thủ trong tổ chức tín dụng;

Thứ năm, hệ thống thông tin công nghệ thông tin của tổ chức tín dụng phải được giám sát, bảo vệ hợp lý, an toàn;

Thứ sáu, đảm bảo cán bộ, nhân viên hiểu được tầm quan trọng của hoạt động KSNB;

Thứ bảy, người điều hành bộ phận, đơn vị nghiệp vụ và các cá nhân có liên quan phải thường xuyên xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB;

Thứ tám, cá nhân, bộ phận ở các cấp của tổ chức tín dụng phải thường xuyên, kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình nội bộ có liên quan;

Thứ chín, lãnh đạo đơn vị, bộ phận của tổ chức tín dụng phải báo cáo về kết quả tự đánh giá về hệ thống KSNB tại đơn vị mình.

1.2.3. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ

Có thể chia các mục tiêu kiểm soát đơn vị thành ba nhóm:

- *Mục tiêu hoạt động*
- *Mục tiêu thông tin*
- *Mục tiêu tuân thủ*

1.3. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.3.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi

Kiểm soát nội bộ hoạt động đối với huy động tiền gửi là toàn bộ các chính sách, các bước kiểm soát và các thủ tục kiểm soát đối với hoạt động huy động tiền gửi được thiết lập trong nội bộ ngân hàng nhằm đảm bảo ba mục tiêu:

- Hoạt động huy động tiền gửi an toàn và hiệu quả.
- Hệ thống thông tin, sổ sách, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động huy động tiền gửi chính xác, đáng tin cậy và kịp thời.
- Đảm bảo hoạt động huy động tiền gửi trong ngân hàng tuân thủ theo đúng quy định, các cơ chế chính sách, pháp luật hiện hành, các chiến lược, chính sách kinh doanh và quy trình các nghiệp vụ mà các cấp lãnh đạo quản lý và điều hành của ngân hàng đã quy định.

1.3.2. Nội dung công tác kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi của ngân hàng thương mại

a. Môi trường kiểm soát

Các nhân tố thuộc môi trường kiểm soát chung chủ yếu liên quan đến quan điểm, thái độ và nhận thức cũng như hành động của các nhà quản lý trong ngân hàng.

b. Đánh giá rủi ro

Là quy trình để xác định và phân tích các rủi ro đối với việc hoàn thành các mục tiêu, làm cơ sở cho việc xác định xem các rủi ro đó được quản lý như thế nào. Bao gồm việc xác định mục tiêu của công tác huy động vốn, nhận dạng rủi ro, phân tích và đánh giá rủi ro.

c. Hoạt động kiểm soát

Là những chính sách thủ tục để đảm bảo cho các chỉ thị của nhà quản lý được thực hiện. Các chính sách và thủ tục này giúp thực thi những hành động với mục đích chính là giúp kiểm soát rủi ro mà đơn vị đang hay có thể gặp phải.

d. Thông tin và truyền thông

Hỗ trợ việc xác định, nắm bắt và trao đổi các thông tin theo một hình thức và khuôn khổ thời gian tạo điều kiện cho các thành viên thực hiện các nhiệm vụ của mình. Hệ thống thông tin và báo cáo, bao gồm cả hệ thống công nghệ thông tin, các cơ chế giao tiếp và các kênh thông tin giữa các cấp và các bộ phận trong ngân hàng.

e. Giám sát và sửa chữa những sai sót

Là quá trình đánh giá chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ. Việc này được thực hiện thông qua công tác giám sát từ xa và kiểm soát tại chỗ đối với hoạt động tiền gửi.

1.3.3. Các tiêu chí đánh giá kết quả công tác kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi

a. Thước đo số lượng

Phản ánh kết quả thông qua số lượng kết quả đầu ra cụ thể là số lượng các cuộc kiểm tra hoạt động huy động tiền gửi được ban kiểm soát tiến hành, số lượng hồ sơ khách hàng, chứng từ kế toán được kiểm tra, số lượng sai sót được phát hiện, số lượng các sai sót được khắc phục...

b. Thước đo chất lượng

Phản ánh kết quả thông qua chất lượng của biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra và chất lượng nguồn vốn huy động.

c. Thước đo chi phí

Các yếu tố chi phí mà NHTM đã đầu tư và duy trì hoạt động của bộ máy KSNB bao gồm: thu nhập của cán bộ KSNB, chi phí đào tạo, chi phí đầu tư khoa học công nghệ phục vụ cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

2.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập dựa trên cơ sở của Nghị định số 53/HĐBT ngày 26/03/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ).

Ngày 23/09/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1359/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hoá NHTMCP Công thương với tên gọi Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có trụ sở chính đặt tại số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; 1 Sở Giao dịch ở thành phố Hà Nội; 3 đơn vị sự nghiệp; 2 văn phòng đại diện ở thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng; 1 văn phòng đại diện tại Myanmar; 149 chi nhánh cấp một tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước và 3 chi nhánh tại nước ngoài (2 chi nhánh ở CHLB Đức và 1 chi nhánh ở nước CHDCND Lào).

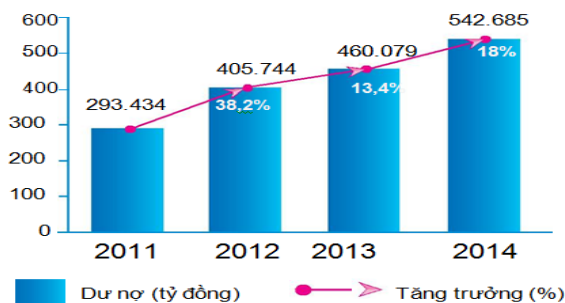
2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Hoạt động huy động vốn

Tính đến 31/12/2014 tổng nguồn vốn huy động của Vietinbank là 595 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 16,3% so với năm 2013. Vietinbank tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, cơ cấu vốn được đa dạng hóa.

Bảng 2.2: Nguồn vốn huy động của Vietinbank năm 2012-2014*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1. Theo tính chất nguồn vốn	460.082	100	511.67	100	595.094	100
Nội tệ	387.466	84,22	458.772	89,66	548.657	92,20
Ngoại tệ	72.616	18,74	52.898	11,53	46.437	8,46
2. Theo thời gian huy động	460.082	100	511.67	100	595.094	100
Tiền gửi không kỳ hạn	74.171	16,12	97.962	19,15	110.929	18,64
Tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng	182.724	39,72	222.384	43,46	301.908	50,73
Tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng	203.187	44,16	191.324	37,39	182.257	30,63
3. Theo loại hình tổ chức	460.082	100	511.67	100	595.094	100
Tiền gửi dân cư	224.423	48,78	274.978	53,74	341.467	57,38
Tiền gửi TCKT	187.547	40,76	198.764	38,85	217.728	36,59
Tiền gửi các TCTD	48.112	10,46	37.928	7,41	35.899	6,03

*(Nguồn: Báo cáo thường niên của Vietinbank 2014)***b. Hoạt động tín dụng***(Nguồn: Báo cáo thường niên của Vietinbank 2014)***Hình 2.4. Quy mô tăng trưởng dư nợ cho vay qua 4 năm**

Hoạt động tín dụng tăng trưởng mạnh, đi đôi với kiểm soát chất lượng tài sản, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực. Hoạt động cấp tín dụng đến 31/12/2014 đạt số dư 542.685 tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm (cao hơn mức tăng trưởng bình quân toàn ngành), đạt 104,5% kế hoạch. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2014 là 1,1%/dư nợ cho vay nền kinh tế, thấp hơn mức bình quân toàn ngành.

c. Các hoạt động dịch vụ khác

Vietinbank tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng các hoạt động dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trên tổng thu nhập, nâng cao hiệu quả hoạt động

- Hoạt động đầu tư đến 31/12/2014 đạt số dư 177 nghìn tỷ đồng, chiếm 27% tổng tài sản;
- Tiếp tục dẫn đầu thị trường với các sản phẩm dịch vụ thẻ ATM và POS;
- Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại tệ tích cực, tăng trưởng mạnh về doanh số mua bán ngoại tệ;
- Đẩy mạnh kinh doanh đối với các sản phẩm tài trợ thương mại truyền thống, đồng thời mở rộng triển khai sản phẩm mới
- Giữ vững thị phần hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ kiều hối;

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

2.2.1. Tình hình thực hiện các nội dung kiểm tra kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi tại NHCT Việt Nam

a. Môi trường kiểm soát

- Tại các chi nhánh: tại đây có ba chốt kiểm soát được thiết lập
- Giao dịch viên: chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp của thông tin, chứng từ và tiền mặt thu vào trong hạn mức, tuân thủ theo quy trình quy định của NHCT.

- Kiểm soát viên: sau khi tiến hành kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của giao dịch mà giao dịch viên chuyển tới sẽ quyết định phê duyệt hoặc từ chối.

- Bộ phận kiểm tra sau: mỗi chi nhánh có một đến hai kiểm soát viên nội bộ kiểm tra lại toàn bộ chứng từ liên quan đến giao dịch tiền gửi (cả giao dịch tiền tệ và giao dịch phi tiền tệ).

➤ Phòng KTKS nội bộ khu vực

- Mỗi phòng được thành lập chịu trách nhiệm kiểm tra hoạt động của các chi nhánh trên phạm vi được trụ sở chính chỉ định, thường chia theo khu vực địa lý.

➤ Bộ phận kiểm toán nội bộ

Là bộ phận hoàn toàn độc lập với các bộ phận còn lại, định kỳ tiến hành kiểm tra hoạt động của chi nhánh và phòng KSNB khu vực theo sự chỉ đạo trực tiếp của Ban lãnh đạo.

- Ưu điểm:

+ Hệ thống KSNB được tổ chức chặt chẽ, tuân thủ các nguyên tắc: nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng, nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

+ Một quy trình nghiệp vụ luôn có ít nhất hai cán bộ tham gia, không có cá nhân nào có thể một mình tiến hành quyết định và thực hiện, ngoại trừ những giao dịch trong hạn mức được ngân hàng cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhược điểm:

+ Kiểm soát viên đồng thời là lãnh đạo phòng/chi nhánh, chịu áp lực về chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh nên trong nhiều trường hợp không khách quan trong việc phê duyệt giao dịch.

+ Số lượng kiểm soát viên nội bộ tại bộ phận kiểm tra sau quá ít so với khối lượng công việc.

b. Đánh giá rủi ro

- Năm 2013, Vietinbank đã thành lập khối Quản lý rủi ro với đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, tham gia xây dựng, bổ sung, cập nhật hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách của VietinBank.

- Tổ chức cuộc thi Nhà quản lý rủi ro hoạt động thông minh trên toàn hệ thống nhằm nâng cao ý thức của mỗi cán bộ về rủi ro cũng như thu thập các ý tưởng nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát ngăn ngừa rủi ro.

c. Các hoạt động kiểm soát

Công tác kiểm soát nội bộ trong hoạt động huy động tiền gửi tại đơn vị được thực hiện trong suốt quá trình từ khi ngân hàng thiết lập mối quan hệ với khách hàng.

d. Thông tin và truyền thông

- Vietinbank đã xây dựng chương trình BDS để hạch toán và theo dõi tất cả các nghiệp vụ huy động tiền gửi. Mỗi nhân viên được cấp một tài khoản bao gồm tên và mật khẩu để đăng nhập hệ thống, không được phép trao cho người khác sử dụng.

- Tất cả các công văn, quy trình quy định, văn bản nội bộ được cập nhật liên tục, kịp thời lên web nội bộ riêng (hq_edocplus), cán bộ có thể dễ dàng cập nhật, tra cứu từ đó tuân thủ đúng và đầy đủ quy trình nghiệp vụ huy động tiền gửi.

e. Giám sát

➤ Giám sát từ xa đối với hoạt động huy động tiền gửi

Giám sát từ xa toàn diện hoạt động huy động tiền gửi tại NHCT được thực hiện do KTV tại các phòng khu vực thực hiện phối hợp với các KTV tại phòng KSNB trụ sở chính thực hiện hằng ngày trên cơ sở các chỉ tiêu giám sát thông qua các kênh thông tin như thông tin về quản trị điều hành hoạt động huy động tiền gửi tại Chi nhánh, thông tin từ các phần mềm, chương trình hỗ trợ, thông tin báo cáo khác phục chỉnh sửa của Chi nhánh, thông tin từ các phòng ban trụ sở chính và các thông tin bên ngoài...

- Ưu điểm: quy trình giám sát chi nhánh đã được xây dựng chặt chẽ, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, xây dựng được các tiêu chí giám sát cụ thể.

- Nhược điểm: các tiêu chí giám sát được chiết xuất riêng rẽ theo từng màn hình hạch toán nên chưa bao quát hết rủi ro, dấu hiệu bất thường đối với từng món huy động, từng khách hàng nên đôi lúc còn bỏ sót hạch chưa nhận biết hết các rủi ro tiềm ẩn.

➤ Hoạt động kiểm tra trực tiếp tại các chi nhánh trong hệ thống Vietinbank

Là hoạt động được thực hiện định kỳ hoạt động xuất bởi các đoàn kiểm tra của khu vực phụ trách hoặc kiểm tra chéo, hoặc các đoàn kiểm tra của phòng KSNB TSC thực hiện.

- Ưu điểm: Quy trình kiểm tra trực tiếp được xây dựng chặt chẽ, phân công trách nhiệm rõ ràng cụ thể từng bộ phận, hướng dẫn đầy đủ từng bước thực hiện cho cán bộ thực hiện.

- Nhược điểm: Kết quả kiểm tra phụ thuộc vào mẫu chọn kiểm tra nên chưa đánh giá được toàn diện tình hình hoạt động của chi nhánh.

2.2.3. Kết quả công tác kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

a. Kết quả kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi phản ánh qua thước đo số lượng

Bảng 2.4. Số lượng các cuộc KTKSNB hoạt động huy động tiền gửi qua các năm từ 2012-2014

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Tổng số	Hoạt động huy động tiền gửi	Tổng số	Hoạt động huy động tiền gửi	Tổng số	Hoạt động huy động tiền gửi
Số lượng	1.712	572	1.960	702	1.820	723

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác KTKSNB – Vietinbank 2012-2014)

Số lượng các cuộc kiểm tra, đặc biệt là KSNB hoạt động huy động tiền gửi tại các chi nhánh Vietinbank có xu hướng tăng mạnh. Năm 2012, số lượng các cuộc KSNB hoạt động huy động tiền gửi là 572, sang năm 2013 là 702 cuộc và đến năm 2014 là 723 cuộc. Điều này cho thấy công tác KSNB hoạt động huy động tiền gửi ngày càng được chú trọng cùng với sự gia tăng quy mô hoạt động kinh doanh nhằm kiểm soát, chấn chỉnh kịp thời các sai sót trong quá trình tác nghiệp.

Bảng 2.5. Số lượng hồ sơ chứng từ kiểm tra

STT	Loại hồ sơ được kiểm tra	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Hồ sơ mở tài khoản cá nhân	18.725	22.647	25.557
2	Hồ sơ mở tài khoản doanh nghiệp	4.893	5.524	6.774
3	Chứng từ kế toán giao dịch	35.884	56.257	85.954

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác KTKSNB – Vietinbank 2012-2014)

Qua bảng trên ta thấy, số lượng hồ sơ chứng từ được kiểm tra tăng qua các năm. Năm 2012, tổng số hồ sơ được kiểm tra là 23.618 hồ sơ mở tài khoản và 35.884 chứng từ kế toán giao dịch, sang năm 2014 đã là 32.331 hồ sơ và 85.954 chứng từ. Cho thấy công tác kiểm tra kiểm soát ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh.

- Số lượng các sai sót được phát hiện và khắc phục chỉnh sửa qua kiểm tra.

Bảng 2.6. Sai sót phát hiện qua kiểm tra

DVT: Lỗi

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Số lượng các sai sót phát hiện trong hoạt động huy động tiền gửi	132,968	184,973	170,225
Số lượng các sai sót được khắc phục chỉnh sửa qua kiểm tra	68,133	117,892	148,930
Tỷ lệ khắc phục chỉnh sửa	51,24%	63,73%	87,49%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác KTKSNB – Vietinbank 2012, 2013, 2014)

b. Kết quả kiểm soát nội bộ hoạt động huy động tiền gửi phản ánh qua thước đo chất lượng

Hầu hết những biên bản kiểm tra đã nhận định và đánh giá được toàn diện tình hình hoạt động tại các chi nhánh, có kiến nghị cụ thể, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh tiền gửi. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số biên bản kiểm tra nội dung cảnh báo chung hoặc cảnh báo khách hàng không thống nhất với phần đề xuất, kiến nghị.

d. Kết quả KSNB hoạt động huy động tiền gửi phản ánh qua thước đo chi phí

Hiện nay trong hệ thống NHCT, chi phí cho KSNB hoạt động huy động tiền gửi chưa được theo dõi riêng biệt. Chi phí chủ yếu của bộ phận này là tiền lương, tiền thưởng, tiền ăn giữa ca, phụ cấp độc hại, tiền công tác phí, trang bị tài sản, công cụ làm việc... cho đội ngũ cán bộ làm công tác KSNB hoạt động huy động tiền gửi.

2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

2.3.1. Những kết quả đạt được

Đã nghiên cứu và ban hành các quy trình nghiệp vụ phục vụ cho công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ: quy trình giám sát chi nhánh đối với hoạt động huy động tiền gửi, quy trình kiểm tra trực tiếp đối hoạt động huy động tiền gửi tại chi nhánh...

Đã tổ chức được bộ máy KSNB phù hợp và ban hành quy trình, quy định kiểm tra kiểm soát nội bộ để giám sát hoạt động huy động tiền gửi. Nhân sự tại phòng KTKSNB được quan tâm và chú trọng hơn: số lượng nhân sự tăng qua các năm, tổ chức đào tạo cho các chuyên viên trên toàn hệ thống...

Đã xây dựng được khối Quản lý rủi ro với đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, tham gia xây dựng, bổ sung, cập nhật hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách của Vietinbank.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân trong công tác KSNB hoạt động huy động tiền gửi tại Vietinbank

a. Đối với Ban kiểm tra, kiểm soát nội bộ

+ Sự độc lập của bộ máy KTKSNB trong hoạt động, đánh giá, kết luận, kiến nghị trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao chỉ có tính chất tương đối.

Nguyên nhân là do nhân sự của bộ phận KTKSNB cơ bản lấy từ chi nhánh, mọi điều kiện làm việc của phòng kiểm tra đặt tại các chi nhánh như phòng làm việc, phương tiện đi lại, sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt Đảng... đều ghép với chi nhánh, do vậy vẫn còn có sự phụ thuộc nhất định ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kiểm tra.

+ Bộ máy theo dõi lao động tiền lương công kênh, chất lượng công việc của cán bộ kiêm nhiệm bị ảnh hưởng.

+ Do phòng kiểm tra của NHCT Việt Nam đặt tại chi nhánh khi kiểm tra phải có quyết định kiểm tra của Tổng giám đốc hoặc được Tổng giám đốc ủy quyền cho trưởng phòng ra quyết định kiểm tra nhưng phòng kiểm tra không có dấu riêng nên tính pháp lý của quyết định kiểm tra chưa đầy đủ.

b. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ

- Công tác tự đánh giá đối với hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được thực hiện và bị xem nhẹ, đồng thời, công tác đánh giá độc lập với hệ thống kiểm soát nội bộ không đảm bảo tính độc lập.

- Phương thức hoạt động giám sát từ xa chậm đổi mới kém hiệu quả, thiếu kịp thời, ít có tác dụng trong chỉ đạo điều hành.

- Cơ chế kiểm tra của NHCT Việt Nam mới chỉ chú trọng đến công tác kiểm soát xử lý và kiểm soát bảo vệ tài sản mà chưa chú ý đến công tác kiểm soát quản lý cũng như kiểm soát tổng quát.

- Công tác chỉnh sửa, phúc tra sau kiểm tra chưa được thực hiện tốt: các đơn vị kinh doanh chưa tích cực, chậm trễ trong việc chỉnh sửa, bổ

sung sai sót được ghi nhận trên các báo cáo, biên bản kiểm tra. Các sai sót được ghi nhận trên những báo cáo trước vẫn còn lặp lại ở những lần kiểm tra tiếp theo.

- Đảm bảo chất lượng: Ban KTKSNB chưa xây dựng các chương trình làm việc cụ thể để đánh giá chất lượng và mức độ hài lòng của các bên hữu quan là các chi nhánh NHCT Việt Nam đối với công tác kiểm tra.

- Hiện nay, còn nhiều quy trình nghiệp vụ chưa được ban hành hoặc đã có nhưng chưa được đầy đủ và bao quát hết được các bước thực hiện từng nghiệp vụ cụ thể.

c. Nhân sự

Các cán bộ kiểm tra hiện nay lấy từ chi nhánh sang nhưng trước đây ở một số chi nhánh, giám đốc bố trí cán bộ làm công tác kiểm tra thiếu năng lực nghiệp vụ, thiếu trình độ quản lý hoặc thiếu tâm huyết với hoạt động kiểm soát.

d. Môi trường kiểm soát

- Môi trường kiểm soát còn nhiều yếu tố không thuận lợi cho công tác kiểm soát nội bộ.

- Một số chi nhánh do nhận thức chưa đúng về công tác kiểm tra cho rằng "bớt lông tìm vết", che dấu khuyết điểm, chưa tạo điều kiện để kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hoặc gây căng thẳng trong khi thông qua biên bản kiểm tra.

e. Sự phối kết hợp giữa kiểm tra kiểm toán với các bộ phận khác

Sự phối kết hợp giữa kiểm tra kiểm toán với các phòng ban chức năng chưa chặt chẽ, chưa có những cuộc gặp thường xuyên với các lãnh đạo bộ phận chức năng để thu thập ý kiến phản hồi của các bộ phận này về công tác của Ban KTKSNB.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG TIỀN GỬI VÀ NHỮNG YÊU CẦU CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

3.1.1. Định hướng hoạt động huy động tiền gửi

Giai đoạn 2015 - 2020, ngân hàng TMCP Công thương xác định hoạt động huy động tiền gửi là hoạt động kinh doanh chủ lực, cạnh tranh theo nguyên tắc thị trường, Mục tiêu cụ thể trong năm 2015 sẽ tăng trưởng nguồn vốn huy động 13,6% tương đương 676.000 tỷ đồng so với năm 2014.

- Tăng cường phòng ngừa và quản lý rủi ro;
- Đa dạng hoá các hoạt động huy động tiền gửi trên thị trường tài chính, giữ vai trò định hướng trong thị trường, nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng vốn;
- Nâng cao đội ngũ cán bộ có năng lực và chuyên nghiệp;
- Chú trọng việc tái cơ cấu nguồn vốn, tăng tỷ trọng nguồn vốn có lãi suất thấp. Bám sát diễn biến thị trường, cung cầu vốn trong nền kinh tế để chủ động điều hành lãi suất huy động, cho vay phù hợp trong từng giai đoạn, mang tính cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả.

3.1.2. Những yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ đối với huy động tiền gửi tại NHCT Việt Nam

- Phải phù hợp với các tiêu chuẩn của COSO, Ủy ban Basle về kiểm soát nội bộ.

- Phải có công cụ giám sát đủ mạnh, đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin về hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin về rủi ro trong hoạt động ngân hàng và tư vấn các biện pháp kiểm soát, sửa đổi cần thiết.

- Phải đảm bảo tuân thủ Đề án Tái cơ cấu hệ thống NHTM của ngân hàng Nhà nước và Đề án tái cơ cấu NHCT Việt Nam.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

3.2.1. Về môi trường kiểm soát

Xây dựng những chuẩn mực về đạo đức trong hệ thống NHCT và phổ biến những quy định đến mọi thành viên bằng các thể thức thích hợp.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ thống KSNB, coi đây là một trong những giải pháp mang tính chiến lược lâu dài đồng thời là đòi hỏi cấp thiết hiện nay.

Cập nhật, hệ thống hóa các văn bản pháp luật để có một môi trường kiểm soát nội bộ hoàn thiện.

Xây dựng chính sách đào tạo theo hướng chuyên môn hóa, cán bộ làm nghiệp vụ nào phải được đào tạo chuyên sâu vào nghiệp vụ đó.

Tổ chức rà soát lại các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kiểm tra kiểm soát, cũng như hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Nâng cao vai trò trách nhiệm trong việc quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của phòng.

Tăng cường hoạt động cảnh báo, đề xuất kiến nghị, giúp ban lãnh đạo chi nhánh có biện pháp xử lý kịp thời.

3.2.2. Hoàn thiện cơ chế hoạt động kiểm soát

Xây dựng chiến lược phát triển cho bộ phận kiểm soát nội bộ đồng thời hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm soát nội bộ

+ Xây dựng nhu cầu về nguồn nhân lực cho bộ phận KSNB cho thời gian hiện tại và trong tương lai vài năm.

+ Xây dựng những tiêu chí cụ thể để đánh giá kết quả hoạt động của KSNB.

Xây dựng và thực hiện các cơ chế kiểm soát thường xuyên.

Đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ, gắn đào tạo phát triển với kết quả thực hiện, quy hoạch cán bộ theo từng vị trí công việc và đổi mới nhận thức về rủi ro.

3.2.3. Tăng cường quản trị rủi ro và công tác giám sát

Nghiên cứu, lập hồ sơ rủi ro đối với các nghiệp vụ huy động tiền gửi tại các đơn vị.

Nâng cao hiệu lực quản lý và tăng cường năng lực quản trị rủi ro. Thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả bộ phận quản trị rủi ro.

Phương thức nhận định, đánh giá rủi ro cần thay đổi cơ bản, đi sâu vào bản chất của từng sai sót, tồn tại phát hiện được, qua đó nhận diện dấu hiệu rủi ro để cảnh báo sớm cho các đơn vị.

Tổ chức phân tích, đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động huy động tiền gửi của đơn vị mình.

Duy trì và nâng cấp các chương trình phần mềm hỗ trợ hoạt động kiểm tra, giám sát.

3.2.4. Tăng cường công tác thông tin và truyền thông

Xây dựng và ban hành cẩm nang hướng dẫn khai thác dữ liệu trên hệ thống INCAS, cách hạch toán trên màn hình BDS cho cán bộ tác nghiệp và hướng dẫn khai thác dữ liệu trên hệ thống SYSMON cho cán bộ KSNB nhằm giảm thiểu rủi ro tác nghiệp tại chi nhánh và phát huy

hiệu quả các tính năng hỗ trợ cho công tác KSNB hoạt động huy động tiền gửi.

Thường xuyên rà soát, đánh giá hệ thống văn bản, cơ chế, quy trình quy định của Vietinbank nhằm phát hiện các lỗ hổng, các chốt kiểm soát chưa hiệu quả để hoàn thiện hệ thống.

Phối hợp thống nhất giữa các kênh thông tin báo cáo từ trên xuống và từ dưới lên, đảm bảo mọi thông tin hoạt động đều được nắm bắt và kiểm soát chặt chẽ.

3.2.5. Hoàn thiện bộ máy Kiểm toán nội bộ

NHCT cần xây dựng năng lực kỹ thuật kiểm toán nội bộ cho bộ phận Kiểm toán nội bộ và Kiểm tra kiểm soát nội bộ, để đáp ứng yêu cầu hiện tại của cả công việc kiểm toán nội bộ cho Ban kiểm soát và công tác kiểm tra cho ban điều hành.

Phòng Kiểm toán nội bộ nên chuyển từ phương pháp kiểm toán tuân thủ sang phương pháp kiểm toán dựa trên cơ sở rủi ro.

Phòng Kiểm toán nội bộ nên xây dựng hệ thống chuẩn mực báo cáo để đảm bảo các báo cáo kiểm toán được trình bày súc tích và chú trọng đến các vấn đề ghi nhận có tính rủi ro cao. Báo cáo kiểm toán nên có các thông tin sau:

- Phân hạng chuẩn về mức độ rủi ro của từng vấn đề được ghi nhận (ví dụ như cao, trung bình, thấp).

- Phân hạng chuẩn về mức rủi ro chung cho cả báo cáo.

Báo cáo kiểm toán cần đưa ra các khuyến nghị có tính thực tế và nêu rõ thời gian dự định hoàn thành các kế hoạch hành động.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ và các Bộ ngành

Chính phủ cần có các chính sách, biện pháp để ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, tức là ổn định về chính trị, ổn định tiền tệ và chính sách phát triển đúng đắn.

Tiếp tục phát huy thực hành chính sách tiết kiệm trong sử dụng vốn trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, tập trung sửa đổi, hoàn thiện các luật và các văn bản dưới luật để tạo điều kiện cho các ngân hàng hoạt động hiệu quả và an toàn.

3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

Hoàn thiện thể chế và hạ tầng cơ sở hỗ trợ hoạt động giám sát tài chính ngân hàng

+ Hoàn thiện khung pháp lý về giám sát tài chính ngân hàng, những nội dung đổi mới thanh tra ngân hàng Nhà nước cần được cụ thể hóa trong luật ngân hàng Nhà nước mới.

+ Luật Tổ chức tín dụng mới cần quy định thành lập chức năng Kiểm toán nội bộ, chi tiết vai trò và nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ của các Tổ chức tín dụng.

Xây dựng khuôn khổ quy trình và phương pháp thanh tra, giám sát

+ Sớm xây dựng và triển khai khuôn khổ quy trình và phương pháp thanh tra, giám sát dựa trên cơ sở tổng hợp và rủi ro.

+ Xây dựng hệ thống giám sát rủi ro trong hoạt động ngân hàng có khả năng cảnh báo sớm đối với các Tổ chức tín dụng có vấn đề và các rủi ro trong hoạt động ngân hàng.

KẾT LUẬN

Đề tài này đã cơ bản giải quyết được một số vấn đề sau:

Về lý luận đã khái quát được cơ sở lý luận về hoạt động huy động tiền gửi và hệ thống KSNB. Trình bày được các bộ phận cấu thành hệ thống KSNB đối với huy động tiền gửi theo mô hình của COSO.

Đề tài đã nêu được thực trạng hoạt động hiện nay của hệ thống KSNB đối với hoạt động huy động tiền gửi tại NHCT Việt Nam, sau đó tiến hành đánh giá một số ưu, nhược điểm của hệ thống, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KSNB đối với huy động tiền gửi tại Vietinbank.

Nói chung, đề tài đã bước đầu tiếp cận được với hệ thống KSNB hoạt động huy động tiền gửi tại NHCT Việt Nam. Tuy nhiên, do hạn chế về mặt thời gian, kinh nghiệm, kiến thức cũng như những khó khăn khi thu thập và xử lý số liệu nên đề tài chưa khái quát được hết các hoạt động cũng như chưa thể phân tích thật sâu về những ưu và nhược điểm của KSNB đối với huy động tiền gửi tại NHCT Việt Nam. Chính vì vậy mà các giải pháp đưa ra chỉ mang tính chiến lược chứ chưa có đi vào cụ thể, chi tiết. Mặc dù vậy nhưng hi vọng qua những phân tích và giải pháp nêu trên cũng sẽ góp phần giúp hoàn thiện hơn công tác KSNB đối với hoạt động huy động tiền gửi tại NHCT Việt Nam.